

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2024
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tấn Phước;
2. Ông Nguyễn Thiện Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1985; cư trú: Số nhà B, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số H, đường T, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1978; cư trú: Số nhà B, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà T vắng mặt có đơn; ông N vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân của bà và ông N là do mai mối được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông N uống rượu không điều khiển được hành vi của bản thân, ông dùng nhiều lời lẽ, hành động khiến cho bà hoảng sợ. Lúc đầu, ông N được gia đình khuyên ngăn, phân tích nên thuyên giảm nhưng chỉ được một thời gian ngắn tình trạng ấy lại càng nghiêm trọng hơn, khi uống nhiều rượu bia ông N không nhớ những gì mình nói và hành vi bất thường, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con cái.

Vào năm 2021, bà có nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông N nhưng được cán bộ Tòa án và gia đình hàn gắn nên bà rút lại yêu cầu. Đến tháng 9/2023, mâu thuẫn phát sinh trầm trọng hơn nên bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng và quyết định ly hôn với ông N. Từ khi ly thân đến nay, bà và ông N nhận thấy có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên cả hai không liên lạc để hàn gắn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà sinh được 02 (hai) con chung tên Nguyễn Vũ H, sinh ngày 06/4/2007 và Nguyễn Vũ K, sinh ngày 07/4/2015, hiện nay con chung đang sống chung với bà T. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông N. Đồng thời, bà xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Cháu Nguyễn Vũ H và Nguyễn Vũ K có biên bản ghi nhận ý kiến: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, hai cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, không yêu cầu gì về cha.

Ngày 03/4/2024, Tòa án nhận được đơn xin gia hạn về việc ly hôn của ông N gửi qua đường bưu điện. Nội dung đơn ông thừa nhận do tác hại của rượu, mỗi lần uống say có hành động bạo lực với vợ con, dẫn đến bà T xin ly hôn. Ông cam kết sẽ sửa chữa, bỏ rượu, trở về với vợ con, làm ăn lương thiện.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì

về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông **N** theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà **T**, ông **N** để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Biên bản xác minh ngày 21/3/2024 của Công an xã **K** thể hiện ông **Nguyễn Văn N** vẫn còn hộ khẩu tại **ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang**, chưa có thông tin thực hiện tách chuyển đi nơi khác.

Về tình trạng hôn nhân: Ông **Nguyễn Văn H1** - cha ruột của bà **T** cho biết hôn nhân của ông **N** và bà **T** đúng như lời bà **T** trình bày. Trong đời sống hôn nhân của vợ chồng ông **N** – bà **T** có mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ việc ông **N** uống rượu rồi có nhiều lời nói, hành động không đúng chuẩn mực, uy hiếp bà **T**. Sự việc lặp đi lặp lại trong khoảng 10 năm ảnh hưởng đến tâm lý của bà **T** và hai con nhỏ. Gia đình hai bên đã có khuyên ngăn nhưng không thành, ông **N** không thay đổi mà tình trạng càng trầm trọng hơn. Nay bà **T** xin ly hôn, ông **H1** không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, bà **T** vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông **N** đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà **T** chung sống với ông **N** đến năm 2023 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông **N** hiện có địa chỉ cư trú tại **xã K, huyện A**. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Bích T**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà **T** và ông **N** xây dựng gia đình trên hôn nhân tự nguyện được sự đồng ý của hai gia đình tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã K** vào năm 2006 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà **T** vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông **N**. Tại phiên hòa giải, bà **T** yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà **T** vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông **N**. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ cuối năm 2023, tuy ông **N** có nhìn nhận được nguyên nhân mâu thuẫn, có thay đổi nhưng bà **T** vẫn kiên quyết xin ly hôn nên ông bà không thể hàn gắn tiếp tục chung sống, nay gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không còn hạnh phúc.

Bà **T** cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do ông **N** uống rượu rồi có nhiều lời nói, hành động không đúng chuẩn mực, uy hiếp bà **T**. Sự việc lặp đi lặp lại trong khoảng thời gian dài, làm ảnh hưởng đến tâm lý của bà và các con. Mâu thuẫn vợ chồng của ông bà phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án và được ông **N** thừa nhận tại đơn xin gia hạn về việc ly hôn ngày 01/4/2024. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 (hai) con chung tên **Nguyễn Vũ H**, sinh ngày 06/4/2007 và **Nguyễn Vũ K**, sinh ngày 07/4/2015, hiện nay con chung đang sống chung với tôi. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông **N** cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu của bà **T** về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được bà **T** nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, tình cảm mẹ - con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này. Quan trọng hơn, cháu **H**, cháu **K** có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà **T** nên việc tiếp tục giao con chung cho bà **T** nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà **T** không yêu cầu ông **N** cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà **T** cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông **N** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà **T** là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Bích T**.

1. Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Bích T** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn N**.

2. Về con chung: Bà **Nguyễn Thị Bích T** được tiếp tục nuôi dạy 02 (hai) con chung tên **Nguyễn Vũ H**, sinh ngày 06/4/2007 và **Nguyễn Vũ K**, sinh ngày 07/4/2015,

Công nhận tự nguyện của bà **T** không yêu cầu ông **N** cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà **T** cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông **N** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Bích T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0009233 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà T đã nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/5/2024) thời hạn kháng cáo của bà T và ông N được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.